

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI

Kỳ thi: Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1)

Phòng thi: E401

Môn thi: Kỹ năng viết

Ca thi: 9h45

Ngày thi: 11/03/2023

TT	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Năm sinh	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	TA06000	18810110025	Trần Văn	An	12/11/2000			
2	TA06001	18810310391	Bùi Thị Vân	Anh	16/10/2000			
3	TA06002	19810840043	Đào Thị Lan	Anh	07/07/2001			
4	TA06003	1781620002	Đỗ Hoài	Anh	13/10/1999			
5	TA06004	18810210003	Dương Thị Ngọc	Anh	10/01/2000			
6	TA06005	18810710130	Đinh Phương Ngọc	Ánh	09/01/2000			
7	TA06006	19810830065	Lê Thị Quỳnh	Anh	22/4/2001			
8	TA06007	18810110135	Nguyễn Tiến	Anh	30/08/2000			
9	TA06008	18810420062	Nguyễn Tiến	Anh	01/02/2000			
10	TA06009	18810510039	Phạm Duy	Anh	08/01/2000			
11	TA06010	18810620043	Phạm Tuấn	Anh	23/08/2000			
12	TA06011	18810220016	Phạm Việt	Anh	13/09/2000			
13	TA06012	19810840053	Vũ Thị Ngọc	Anh	17/10/2001			
14	TA06013	18810710187	Hoàng Thị Phương	Ánh	29/03/2000			
15	TA06014	1781810108	Nguyễn Ngọc	Ánh	03/03/1999			
16	TA06015	19810830185	Nguyễn Thị	Ánh	08/7/2001			
17	TA06016	19810310046	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	20/8/2001			
18	TA06017	18810110044	Doãn Trung	Bắc	10/04/2000			
19	TA06018	18810430074	Tạ Đình	Bắc	09/07/2000			
20	TA06019	18819120027	Lê Quý	Bách	28/08/2000			
21	TA06020	18810310126	Phan Ngọc	Bách	12/11/2000			
22	TA06021	19810310478	Hoàng Khánh	Bằng	11/05/2001			
23	TA06022	18810170136	Đỗ Ngọc	Bảo	15/05/2000			
24	TA06023	18810540055	Đỗ Văn	Bình	28/09/2000			

25	TA06024	18810110046	Trần Huy	Bình	06/04/2000			
----	---------	-------------	----------	------	------------	--	--	--

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi thứ nhất
(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai
(ký ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI

Kỳ thi: Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1)

Phòng thi: E402

Môn thi: Kỹ năng viết

Ca thi: 9h45

Ngày thi: 11/03/2023

TT	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Năm sinh	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	TA06025	19810710057	Nguyễn Thị	Cải	21/02/2001			
2	TA06026	18810720060	Tạ Huyền	Chi	08/09/2000			
3	TA06027	18810420064	Đinh Văn	Chiến	09/02/2000			
4	TA06028	18810620027	Nguyễn Viết	Chinh	24/11/2000			
5	TA06029	18810430110	Đỗ Thành	Công	11/04/2000			
6	TA06030	18810110024	Hoàng Văn	Công	11/11/2000			
7	TA06031	18810840006	Nguyễn Hoàng	Cúc	11/10/1999			
8	TA06032	1781320001	Đỗ Mạnh	Cường	18/12/1999			
9	TA06033	1781110177	Phạm Đình	Cường	08/01/1999			
10	TA06034	18810310445	Vũ Mạnh	Cường	06/03/2000			
11	TA06035	18810310058	Phạm Quảng	Đại	26/09/2000			
12	TA06036	19810840046	Nguyễn Hải	Đăng	20/06/2001			
13	TA06037	1781640007	Cao Phước	Đạt	28/12/1999			
14	TA06038	18819120033	Hà Minh	Đạt	24/08/2000			
15	TA06039	18810310282	Nguyễn Minh	Đạt	14/08/2000			
16	TA06040	19810420079	Nguyễn Tiến	Đạt	11/02/2001			
17	TA06041	1781420006	Nguyễn Văn	Đạt	01/06/1999			
18	TA06042	1781310088	Trần Xuân	Đạt	26/04/1998			
19	TA06043	18810110079	Triệu	Đạt	14/04/2000			
20	TA06044	18810410035	Trương Văn	Đạt	10/11/2000			
21	TA06045	18810170091	Vũ Đức	Đạt	08/09/2000			
22	TA06046	1781510011	Nguyễn Mạnh	Điệp	15/08/1997			
23	TA06047	18810620141	Nguyễn Xuân	Đình	10/10/2000			
24	TA06048	18810620039	Trần Hải	Đông	09/02/2000			

25	TA06049	18810540104	Vũ Hồng	Đông	08/09/2000			
26	TA06050	18810340179	Vũ Văn	Đông	01/07/2000			
27	TA06051	18810110132	Nguyễn Văn	Dự	28/04/2000			
28	TA06052	1781310023	Cù Minh	Đức	22/04/1999			
29	TA06053	1781510014	Đặng Trần	Đức	14/09/1999			
30	TA06054	18810310018	Hà Minh	Đức	13/08/2000			
31	TA06055	1781510088	Lê Huỳnh	Đức	07/01/1999			
32	TA06056	18810430030	Lê Trung	Đức	23/10/2000			
33	TA06057	18810620075	Nguyễn Công	Đức	06/08/2000			
34	TA06058	18810540081	Nguyễn Minh	Đức	30/03/2000			
35	TA06059	18810650018	Nguyễn Việt	Đức	30/10/2000			

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi thứ nhất
(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai
(ký ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI

Kỳ thi: Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1)

Phòng thi: E403

Môn thi: Kỹ năng viết

Ca thi: 9h45

Ngày thi: 11/03/2023

TT	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Năm sinh	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	TA06060	18810620009	Bùi Tiến	Dũng	10/10/2000			
2	TA06061	19810000144	Lê Hoàng Tấn	Dũng	02/11/2001			
3	TA06062	18810540050	Nguyễn Việt	Dũng	26/04/2000			
4	TA06063	18810530091	Lê Văn	Dương	20/05/2000			
5	TA06064	18810220028	Nguyễn Hải	Dương	17/12/2000			
6	TA06065	18810640015	Nguyễn Vĩnh	Dương	11/06/2000			
7	TA06066	18810620066	Trần Danh	Dương	03/02/2000			
8	TA06067	18810430111	Vũ Xuân	Dương	05/10/2000			
9	TA06068	18810430011	Nguyễn Quang	Dưỡng	04/11/2000			
10	TA06069	18810340687	Đoàn Mạnh	Duy	22/05/2000			
11	TA06070	18810310241	Đoàn Ngọc	Duy	16/05/2000			
12	TA06071	18810710116	Nguyễn Ngọc	Duy	07/02/2000			
13	TA06072	18810000076	Nguyễn Văn	Duy	05/11/2000			
14	TA06073	18810720128	Cao Thị Hồng	Duyên	20/11/2000			
15	TA06074	1781110124	Vũ Đỗ Trường	Giang	07/06/1999			
16	TA06075	19810720233	Công Văn Hoàng	Hà	03/05/2001			
17	TA06076	18810340677	Nguyễn Danh	Hà	22/10/2000			
18	TA06077	18810310588	Nguyễn Quang	Hà	21/01/2000			
19	TA06078	18810720182	Nguyễn Thu	Hà	06/01/2000			
20	TA06079	18810310016	Đặng Văn	Hải	05/01/2000			
21	TA06080	18810420214	Đỗ Trọng	Hải	02/12/2000			
22	TA06081	18810420294	Lê Văn	Hải	26/09/2000			
23	TA06082	18810310185	Nguyễn Hoàng	Hải	24/11/2000			
24	TA06083	19810840067	Phạm Thị	Hằng	21/12/2000			

25	TA06084	18810430009	Nguyễn Văn	Hào	01/06/2000			
26	TA06085	18810310642	Chu Thị	Hiền	07/01/2000			
27	TA06086	18819120035	Nguyễn Đức	Hiệp	29/11/2000			
28	TA06087	1781620043	Nguyễn Hoàng	Hiệp	23/12/1999			
29	TA06088	18810310178	Nguyễn Tuấn	Hiệp	10/02/2000			
30	TA06089	18810310259	Đặng Văn	Hiếu	02/07/2000			
31	TA06090	1781110031	Đỗ Đức	Hiếu	09/05/1999			
32	TA06091	18810420006	Hồ Minh	Hiếu	24/12/2000			
33	TA06092	19810810026	Lê Hoàng	Hiếu	20/08/2000			

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi thứ nhất
(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai
(ký ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI

Kỳ thi: Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1)

Phòng thi: E301

Môn thi: Kỹ năng viết

Ca thi: 8h15

Ngày thi: 11/03/2023

TT	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Năm sinh	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	TA06093	18810540032	Lê Quang	Hiếu	15/08/2000			
2	TA06094	18810170327	Ngô Quang	Hiếu	25/08/2000			
3	TA06095	18810320167	Nguyễn Minh	Hiếu	17/01/2000			
4	TA06096	18810430214	Nguyễn Trung	Hiếu	26/09/2000			
5	TA06097	18810620040	Trịnh Minh	Hiếu	01/09/2000			
6	TA06098	18810110115	Trương Trọng	Hiếu	31/10/2000			
7	TA06099	18810620019	Nguyễn Xuân	Hình	01/10/1999			
8	TA06100	18810710070	Nguyễn Thị	Hoa	09/04/2000			
9	TA06101	18810340047	Đoàn Thị	Hòa	02/11/2000			
10	TA06102	18810320507	Nguyễn Trung	Hòa	17/08/2000			
11	TA06103	18810110001	Đinh Việt	Hoàng	26/10/2000			
12	TA06104	1781810032	Ngô Huy	Hoàng	19/12/1995			
13	TA06105	1781510032	Ngô Việt	Hoàng	04/01/1998			
14	TA06106	18810410148	Nguyễn Thế	Hoàng	31/01/2000			
15	TA06107	18810170187	Nguyễn Việt	Hoàng	22/09/2000			
16	TA06108	20CH5010010	Trần Ngọc	Hoàng	05/06/1997			
17	TA06109	18810710199	Đỗ Thanh Kim	Huệ	14/09/2000			
18	TA06110	18810110222	Đặng Vũ	Hùng	28/12/2000			
19	TA06111	18810320665	Lê Xuân	Hùng	06/07/2000			
20	TA06112	18810110005	Trương Đình	Hùng	26/08/2000			
21	TA06113	1781510036	Bùi Việt	Hưng	19/05/1999			
22	TA06114	18810310322	Hà Duy	Hưng	05/10/2000			
23	TA06115	18810430092	Nguyễn Ngọc	Hưng	10/06/2000			
24	TA06116	18810640011	Quảng An	Hưng	08/10/2000			

25	TA06117	18810230055	Trần Việt	Hưng	02/10/2000			
26	TA06118	18810410197	Trịnh Thiên	Hưng	13/06/2000			
27	TA06119	18810410241	Trương Trọng	Hưng	17/12/2000			

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi thứ nhất
(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai
(ký ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI**Kỳ thi:** Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1)**Phòng thi:** E304**Môn thi:** Kỹ năng viết**Ca thi:** 8h15**Ngày thi:** 11/03/2023

TT	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Năm sinh	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	TA06120	18810220011	Bùi Thanh	Hương	12/11/2000			
2	TA06121	18810720195	Phạm Thị Lan	Hương	16/08/2000			
3	TA06122	18810430231	Dương Duy	Hữu	12/01/2000			
4	TA06123	18810310170	Đỗ Gia	Huy	13/08/2000			
5	TA06124	18810170326	Lê Quang	Huy	23/03/2000			
6	TA06125	1781310035	Nguyễn Công	Huy	08/05/1999			
7	TA06126	18810310398	Nguyễn Đức	Huy	06/06/1998			
8	TA06127	1781310136	Phạm Quang	Huy	11/11/1999			
9	TA06128	18810410198	Phùng Trần	Huy	23/01/2000			
10	TA06129	18810170179	Trần Anh	Huy	03/10/2000			
11	TA06130	18810510077	Trần Quang	Huy	28/11/2000			
12	TA06131	19810340372	Đỗ Thị Thu	Huyền	11/01/2001			
13	TA06132	18810220008	Nguyễn Thị	Huyền	07/03/1999			
14	TA06133	19810540181	Vũ Thị	Huyền	18/11/2001			
15	TA06134	18810310719	Phạm Đình	Huỳnh	12/05/2000			
16	TA06135	18810430095	Lê Tấn	Khải	13/08/2000			
17	TA06136	18810420034	Ngô Sinh	Khải	19/12/2000			
18	TA06137	18810310219	Đoàn Viết	Khanh	29/07/2000			
19	TA06138	18810430051	Đoàn Xuân	Khánh	21/01/2000			
20	TA06139	18810310403	Nguyễn Duy	Khánh	20/02/2000			
21	TA06140	18810310246	Vũ Hồng	Khiêm	06/01/2000			
22	TA06141	18819120008	Lê Trung	Kiên	27/07/2000			
23	TA06142	1781310140	Nguyễn Bá	Kiên	30/05/1998			
24	TA06143	18810320368	Nguyễn Trung	Kiên	15/07/2000			

25	TA06144	18810320105	Vi Trung	Kiên	29/05/2000			
26	TA06145	1781310141	Đỗ Tuấn	Kiệt	05/01/1999			
27	TA06146	18810310176	Đỗ Tuấn	Kiệt	16/01/2000			
28	TA06147	18810420303	Hoàng	Lâm	09/08/2000			
29	TA06148	18810430020	Tạ Quang	Lâm	29/08/2000			
30	TA06149	18810230006	Đỗ Như Hoàng	Lan	01/06/2000			
31	TA06150	18810510047	Nguyễn Trung	Liên	17/05/2000			
32	TA06151	18810340086	Đặng Thị Ngọc	Linh	13/07/2000			
33	TA06152	18810710157	Nguyễn Diệu	Linh	24/11/2000			

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi thứ nhất
(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai
(ký ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI

Kỳ thi: Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1)

Phòng thi: E303

Môn thi: Kỹ năng viết

Ca thi: 8h15

Ngày thi: 11/03/2023

TT	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Năm sinh	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	TA06153	18810110272	Lê Thanh	Long	29/04/2000			
2	TA06154	18810540146	Nguyễn Bảo	Long	20/10/2000			
3	TA06155	18810430143	Nguyễn Đình	Long	13/10/2000			
4	TA06156	18810610060	Nguyễn Hải	Long	12/01/2000			
5	TA06157	18810170221	Nguyễn Hải	Long	29/05/2000			
6	TA06158	18810310028	Nguyễn Hoàng	Long	23/01/2000			
7	TA06159	18810310245	Nguyễn Hoàng	Long	22/02/2000			
8	TA06160	18810620020	Nguyễn Hoàng	Long	26/10/2000			
9	TA06161	18810170318	Phạm Thành	Long	18/10/2000			
10	TA06162	18810110030	Phạm Việt	Long	20/08/2000			
11	TA06163	18810430192	Phí Thành	Long	31/10/2000			
12	TA06164	18810840091	Trần Phi	Long	03/05/2000			
13	TA06165	18810170095	Lê Đức	Lương	26/11/2000			
14	TA06166	18810620083	Nguyễn Dương	Lượng	14/08/2000			
15	TA06167	18810310190	Hồ Sỹ	Lưu	01/05/2000			
16	TA06168	18810720203	Bùi Thị Ngọc	Mai	18/11/2000			
17	TA06169	1781310151	Lê Quỳnh	Mai	27/10/1999			
18	TA06170	1781510048	Nguyễn Thị	Mai	25/12/1999			
19	TA06171	18810340135	Phạm Thị Ngọc	Mai	29/10/2000			
20	TA06172	1781410354	Lều Đức	Mạnh	07/10/1999			
21	TA06173	18810230033	Vũ Hùng	Mạnh	19/09/2000			
22	TA06174	18810310249	Nghiêm Công	Minh	17/11/2000			
23	TA06175	19810720239	Nguyễn Tuấn	Minh	17/02/2001			
24	TA06176	19810720167	Trương Nhật	Minh	16/06/2001			

25	TA06177	19810840073	Bùi Út	My	19/6/2001			
26	TA06178	18810340607	Lê Hoa	Mỹ	17/10/2000			
27	TA06179	18810620085	Bùi Hoàng	Nam	22/03/2000			
28	TA06180	18810170054	Doãn Phương	Nam	27/02/2000			
29	TA06181	18810310191	Nguyễn Khả	Nam	30/09/2000			
30	TA06182	18810310146	Nguyễn Phương	Nam	16/06/2000			

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi thứ nhất
(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai
(ký ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI

Kỳ thi: Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1)

Phòng thi: E301

Môn thi: Kỹ năng viết

Ca thi: 14h45

Ngày thi: 11/03/2023

TT	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Năm sinh	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	TA06183	18810310310	Trần Hoài	Nam	26/07/2000			
2	TA06184	18810620014	Trương Văn	Nam	27/07/1999			
3	TA06185	1781810053	Lê Thị Thu	Nga	17/12/1999			
4	TA06186	18810230024	Nguyễn Thu	Nga	03/04/2000			
5	TA06187	18810340161	Vũ Thị	Ngân	11/10/2000			
6	TA06188	18810340213	Nguyễn Tuấn	Nghĩa	14/06/2000			
7	TA06189	18810430126	Nguyễn Văn	Nghĩa	21/05/2000			
8	TA06190	18810540075	Ngô Quốc	Ngoan	29/03/2000			
9	TA06191	19810710070	Bùi Thị Hồng	Ngọc	09/02/2001			
10	TA06192	18810310079	Tổng Minh	Ngọc	29/03/2000			
11	TA06193	1781330037	Thân Đức	Nguyên	01/10/1999			
12	TA06194	18810170149	Phạm Đức	Nhân	29/05/2000			
13	TA06195	18810540031	Đào Thị	Nhung	01/08/2000			
14	TA06196	19810840045	Hà Phương	Nhung	01/10/2001			
15	TA06197	18810230008	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	05/03/2000			
16	TA06198	19810830092	Nguyễn Thị	Nụ	05/01/2001			
17	TA06199	19810830030	Phạm Thị	Oanh	08/12/2001			
18	TA06200	18810410047	Đinh Hồng	Phong	17/04/2000			
19	TA06201	18810410056	Nguyễn Thế	Phong	01/12/2000			
20	TA06202	18810110090	Hà Văn	Phú	28/12/2000			
21	TA06203	18810610068	Hoàng Kim	Phú	06/09/2000			
22	TA06204	18810320701	Lê Minh	Phúc	13/02/2000			
23	TA06205	19810310568	Nguyễn Anh	Phúc	28/01/2001			
24	TA06206	18810110050	Nguyễn Hoàng	Phúc	30/09/2000			

25	TA06207	18810620089	Nguyễn Hoàng	Phúc	14/01/2000			
26	TA06208	18810420209	Phạm Quang	Phúc	14/11/2000			
27	TA06209	18810320413	Lưu Văn	Phương	13/03/2000			
28	TA06210	1781510062	Nguyễn Thị	Phương	25/12/1999			

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi thứ nhất
(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai
(ký ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI

Kỳ thi: Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1)

Phòng thi: E303

Môn thi: Kỹ năng viết

Ca thi: 14h45

Ngày thi: 11/03/2023

TT	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Năm sinh	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	TA06211	19810720255	Phạm Thu	Phuong	16/11/2001			
2	TA06212	1781810160	Vũ Thị Bích	Phuong	10/11/1999			
3	TA06213	18810310300	Chu Việt	Quân	17/11/2000			
4	TA06214	18810620136	Hoàng Khắc	Quân	15/02/2000			
5	TA06215	18810310077	Lê Hồng	Quân	08/11/2000			
6	TA06216	18810540120	Nguyễn Anh	Quân	26/09/2000			
7	TA06217	18810340092	Nguyễn Hoàng	Quân	09/02/2000			
8	TA06218	18810340646	Đặng Trần	Quang	27/05/2000			
9	TA06219	18810310370	Nguyễn Ngọc	Quý	07/12/2000			
10	TA06220	18810110103	Nguyễn Doãn	Quý	22/10/2000			
11	TA06221	1781510243	Vũ Văn	Quý	10/09/1998			
12	TA06222	18810710021	Trần Thị Hà	Quyên	22/06/2000			
13	TA06223	1781820112	Tô Khánh	Quỳnh	08/07/1999			
14	TA06224	18810340652	Trần Thị Bích	Quỳnh	14/12/2000			
15	TA06225	18810720217	Vũ Thúy	Quỳnh	24/9/2000			
16	TA06226	18810420293	Phan Văn	Sáng	11/11/2000			
17	TA06227	18810230009	Lê Văn	Sơn	14/05/2000			
18	TA06228	18810410220	Nguyễn Đình	Sơn	06/07/2000			
19	TA06229	18810410042	Nguyễn Hoài	Sơn	06/08/2000			
20	TA06230	18810420283	Nguyễn Hồng	Sơn	27/09/2000			
21	TA06231	18810230005	Nguyễn Quý	Sơn	17/10/2000			
22	TA06232	18810540080	Nguyễn Tuấn	Sơn	06/10/2000			
23	TA06233	1781510248	Trần Thế	Sơn	18/11/1999			
24	TA06234	18810110036	Vũ Hoàng	Sơn	23/12/2000			

25	TA06235	18810410200	Nguyễn Anh	Tài	04/07/2000			
26	TA06236	18810430078	Nguyễn Bá	Tâm	07/01/2000			
27	TA06237	18810540069	Nguyễn Phước	Tâm	05/10/2000			
28	TA06238	18810230030	Nguyễn Nhật	Tân	21/10/2000			
29	TA06239	18810310280	Nguyễn Văn	Thái	25/10/2000			
30	TA06240	18810340342	Ngô Đức	Thắng	23/01/2000			
31	TA06241	18810340612	Nguyễn Đình	Thắng	01/02/2000			
32	TA06242	18810170256	Nguyễn Văn	Thắng	17/06/1999			
33	TA06243	18810310514	Nguyễn Trọng	Thanh	06/07/2000			
34	TA06244	18810610050	Đặng Đình	Thành	17/04/2000			
35	TA06245	18810510085	Hoàng Trung	Thành	15/02/2000			

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi thứ nhất
(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai
(ký ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI

Kỳ thi: Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1)

Phòng thi: E304

Môn thi: Kỹ năng viết

Ca thi: 14h45

Ngày thi: 11/03/2023

TT	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Năm sinh	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	TA06246	1781720036	Nguyễn Văn	Thành	01/03/1999			
2	TA06247	18810310188	Trương Tất	Thành	23/04/2000			
3	TA06248	18810710078	Đàm Hương	Thảo	18/11/2000			
4	TA06249	18810310509	Nguyễn Thị Phương	Thảo	27/01/2000			
5	TA06250	18810230025	Vũ Thị Hồng	Thêu	17/10/2000			
6	TA06251	19810000180	Nguyễn Xuân	Thiên	29/04/2001			
7	TA06252	18810710046	Vũ Nhật	Thiên	31/03/2000			
8	TA06253	18810310189	Đào Quang	Thiết	17/11/2000			
9	TA06254	1781310171	Nguyễn Đức	Thịnh	06/06/1999			
10	TA06255	18810320106	Nguyễn Đức	Thịnh	04/01/2000			
11	TA06256	18810410015	Nguyễn Đức	Thịnh	22/03/2000			
12	TA06257	18810310187	Nguyễn Gia	Thịnh	11/03/2000			
13	TA06258	18810430029	Trần Ngọc	Thịnh	30/12/2000			
14	TA06259	18810430161	Lê Xuân	Thọ	07/03/2000			
15	TA06260	18810310309	Đỗ Hoàng	Thông	19/09/2000			
16	TA06261	18810310195	Đỗ Minh	Thông	03/10/2000			
17	TA06262	18810310256	Đỗ Thị	Thu	07/04/2000			
18	TA06263	18810320422	Nguyễn Ngọc	Thung	10/10/2000			
19	TA06264	18810340216	Nguyễn Thị Thu	Thương	02/04/2000			
20	TA06265	18810340072	Vũ Thị Minh	Thương	11/06/2000			
21	TA06266	18810710069	Hoàng Thị	Thùy	10/02/2000			
22	TA06267	1781820058	Nguyễn Thu	Thùy	12/03/1999			
23	TA06268	18810620063	Chu Duy	Tiến	11/07/2000			
24	TA06269	18810110279	Bùi Trung	Tĩnh	10/03/2000			

25	TA06270	18810430113	Dương Đức	Toàn	25/09/2000			
26	TA06271	18810310024	Hà Quang	Toàn	04/01/2000			
27	TA06272	18810110225	Nguyễn Đức	Toàn	11/01/2000			
28	TA06273	18810310001	Nguyễn Xuân	Toàn	07/03/2000			
29	TA06274	18810310085	Tạ Quốc	Trần	01/11/2000			
30	TA06275	18810210002	Lê Thị	Trang	16/10/2000			

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi thứ nhất
(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai
(ký ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI

Kỳ thi: Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1)

Phòng thi: E401

Môn thi: Kỹ năng viết

Ca thi: 13h15

Ngày thi: 11/03/2023

TT	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Năm sinh	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	TA06276	18810340053	Vũ Thị Ninh	Trang	15/06/2000			
2	TA06277	18810430114	Hoàng Minh	Trí	17/12/2000			
3	TA06278	18810170094	Nguyễn Minh	Trí	28/10/2000			
4	TA06279	1781820063	Tào Thùy	Trinh	15/08/1999			
5	TA06280	18810310590	Trần Thị	Trinh	06/07/2000			
6	TA06281	18810310157	Bùi Quang	Trung	08/03/2000			
7	TA06282	1681410033	Đặng Quốc	Trung	19/11/1998			
8	TA06283	18810420316	Đỗ Văn	Trung	20/02/2000			
9	TA06284	18810420003	Lê Thành	Trung	27/09/2000			
10	TA06285	18810110043	Nghiêm Thành	Trung	20/11/2000			
11	TA06286	18810230047	Nguyễn Đức	Trung	11/11/2000			
12	TA06287	18810110211	Phạm Quốc	Trung	16/07/2000			
13	TA06288	18810310050	Nguyễn Thế	Trường	25/07/2000			
14	TA06289	18810430021	Nguyễn Văn	Tuân	05/01/2000			
15	TA06290	18810230040	Nguyễn Anh	Tuấn	28/10/2000			
16	TA06291	18810310158	Nguyễn Phúc	Tuấn	21/10/2000			
17	TA06292	18810510028	Nguyễn Quốc	Tuấn	31/10/2000			
18	TA06293	18810310142	Ninh Ngọc	Tuấn	06/06/2000			
19	TA06294	18810310104	Trần Ngọc	Tuấn	18/07/2000			
20	TA06295	18810310623	Nguyễn Minh	Tuệ	07/02/2000			
21	TA06296	1781310180	Nguyễn Trí	Tuệ	13/03/1999			
22	TA06297	18810310080	Nguyễn Duy	Tùng	28/09/2000			
23	TA06298	18810430125	Nguyễn Hữu	Tùng	12/10/2000			
24	TA06299	18810340031	Nguyễn Thanh	Tùng	29/11/2000			

25	TA06300	18810310184	Vũ Đình	Tùng	19/12/2000			
26	TA06301	18810170286	Vũ Công	Uân	10/11/2000			

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi thứ nhất
(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai
(ký ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI

Kỳ thi: Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1)

Phòng thi: E402

Môn thi: Kỹ năng viết

Ca thi: 13h15

Ngày thi: 11/03/2023

TT	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Năm sinh	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	TA06302	Đầu vào CH	Đoàn Hùng	Anh				
2	TA06303	1781420010	Vũ Ngọc	Đức	12/02/1999			
3	TA06304	19810830114	Phạm Thị Hồng	Xuân	21/11/2001			
4	TA06305	18810110226	Lâm Đức	Anh	15/09/2000			
5	TA06306	18810340328	Nguyễn Phương	Anh	01/09/2000			
6	TA06307	17CH0000015	Nguyễn Hoàng	Anh				
7	TA06308	18810340706	Nguyễn Hữu	Việt	29/04/2000			
8	TA06309	1781510080	Nguyễn Việt	Tùng	08/12/1999			
9	TA06310	18810170215	Hoàng Văn	Trình	21/06/2000			
10	TA06311	18810340713	Nguyễn Thị Huyền	Trang	11/12/1999			
11	TA06312	18810340071	Lê Bá	Toàn	17/09/2000			
12	TA06313	18810110004	Nguyễn Minh	Tiến	19/08/2000			
13	TA06314	18810830020	Vũ Phương	Thùy	16/01/2000			
14	TA06315	18810340298	Nguyễn Phương	Thảo	01/11/2000			
15	TA06316	18810340011	Lương Ngọc	Thành	22/04/2000			
16	TA06317	18810340275	Đào Đức	Thắng	28/10/2000			
17	TA06318	1781410330	Đinh Quốc	Hiếu	25/09/1999			
18	TA06319	Đầu vào CH	Bùi Đức	Quang				
19	TA06320	18810340289	Hoàng Phan Bích	Phượng	03/10/2000			
20	TA06321	18810340015	Nguyễn Thu	Phượng	10/01/2000			
21	TA06322	2183010017	Phạm Công	Minh	5/4/1977			
22	TA06323	2183010016'	Đỗ Đức	Mạnh	12/6/1979			
23	TA06324	18810340703	Vũ Quang	Long	27/07/2000			
24	TA06325	18810340707	Đặng Khánh	Linh	14/04/2000			

25	TA06326	18810320488	Nguyễn Kiều	Văn	06/07/2000			
26	TA06327	18810310088	Nguyễn Lưu	Kiên	16/08/2000			
27	TA06328	18810340344	Đặng Thu	Hương	29/08/2000			
28	TA06329	2183010018	Phạm Quỳnh	Nga	19/9/1979			
29	TA06330	18810340214	Nguyễn Vũ Ngọc	Hồng	25/10/2000			
30	TA06331	18810320194	Nguyễn Đức	Hoàng	07/03/2000			
31	TA06332	1781420114	Vũ Hoàng	Hải	14/10/1996			
32	TA06333	18810340711	Lương Đình	Đức	03/11/2000			
33	TA06334	18810310316	Phạm Tiến	Đức	03/07/2000			
34	TA06335	18810430010	Phan Minh	Đức	13/08/2000			
35	TA06336	18810320501	Trần Anh	Đức	19/11/2000			
36	TA06337	18810620102	Vũ Hoàng	Đức	02/01/2000			

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi thứ nhất
(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai
(ký ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI

Kỳ thi: Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1)

Phòng thi: E403

Môn thi: Kỹ năng viết

Ca thi: 13h15

Ngày thi: 11/03/2023

TT	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Năm sinh	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	TA06338	18810540111	Vũ Quang	Linh	03/07/2000			
2	TA06339	18810310208	Nguyễn Hiệp	Lộc	02/08/2000			
3	TA06340	1781310149	Đặng Thành	Long	16/07/1999			
4	TA06341	18810430038	Lê Công	Thành	10/11/2000			
5	TA06342	18810220020	Nguyễn Trọng Thành	Vĩ	27/06/2000			
6	TA06343	18810340093	Nguyễn Ngọc	Việt	14/08/2000			
7	TA06344	18810340718	Nguyễn Xuân	Việt	06/08/2000			
8	TA06345	18810230017	Lê Thành	Vinh	19/05/2000			
9	TA06346	19810310410	Lương Ngọc	Vinh	31/05/2001			
10	TA06347	18810410225	Ngô Xuân	Vinh	25/02/2000			
11	TA06348	18810310155	Nguyễn Cảnh	Vinh	22/01/2000			
12	TA06349	18810340457	Nguyễn Quang	Vinh	04/08/2000			
13	TA06350	18810430167	Vương Quang	Vinh	02/12/2000			
14	TA06351	18810310307	Nguyễn Ngọc	Vũ	03/10/2000			
15	TA06352	18810510123	Đàm Thị Thu	Uyên	11/12/2000			
16	TA06353	18810430240	Nguyễn Thị Thảo	Uyên	05/08/2000			
17	TA06354	18810430209	Nguyễn Bá	Vĩ	22/02/2000			
18	TA06355	2183010023	Lê Nam	Thắng	11/11/1983			
19	TA06356	1681410018	Nguyễn Quang	Linh	04/06/1998			
20	TA06357	18810220031	Phan Mai	Linh	26/10/2000			
21	TA06358	18810310064	Nguyễn Phương	Nam	06/01/2000			
22	TA06359	19810000106	Phạm Khắc	Nam	25/08/2001			
23	TA06360	20CH4010003	Vũ Việt	Vương	29/09/1992			
24	TA06361	20CH4010004	Phạm Hồng	Long	04/10/1992			

25	TA06362	Đầu vào CH	Nguyễn Văn	Quỳnh	06/12/1982			
26	TA06363	Đầu vào CH	Đào Đức	Công	09/08/1993			
27	TA06364	Đầu vào CH	Chu Thành	Chung	25/05/1987			
28	TA06365	Đầu vào CH	Mai Văn	Dũng	20/11/1979			
29	TA06366	Đầu vào CH	Bùi Minh	Sang	03/09/1993			
30	TA06367	Đầu vào CH	Trần Văn	Quân	15/02/1984			
31	TA06368	Đầu vào CH	Nguyễn Thanh	Tĩnh	12/04/1985			
32	TA06369	Đầu vào CH	Nguyễn Đức	Thiện	14/01/1977			
33	TA06370	Đầu vào CH	Ngô Hồng	Phong	14/05/1983			
34	TA06371	Đầu vào CH	Trương Thị	Huyền	07/11/1978			

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi thứ nhất
(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai
(ký ghi rõ họ tên)